

Bản án số: 13/2024/HSST
Ngày: 20-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang

2. Bà Phạm Thị Lợi

- Thư ký phiên Tòa: Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2024/HSST ngày 01 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN H, sinh ngày: 13/12/1978 tại huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Ấp V, xã Q, huyện B, tỉnh T.

Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không, Trình độ học vấn: 01/12, Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1948 và bà Đặng Thị B, sinh năm: 1955. Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: **Có 04 tiền án.**

+ Ngày 30/3/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, theo Bản án số 28/2005/HS-ST, chấp hành xong hình phạt ngày 07/9/2007.

+ Ngày 26/5/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em” theo khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, theo Bản án số 13/2010/HS-ST, chấp hành xong hình phạt ngày 24/4/2013.

+ Ngày 06/10/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm xử phạt 03 năm 06 tháng tù (Thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”) theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, theo Bản án số 32/2015/HS-ST, chấp hành xong hình phạt ngày 05/12/2018.

+ Ngày 23/5/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm xử phạt 03 năm 06 tháng tù (Thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”) theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, theo Bản án số 20/2019/HS-ST, chấp hành xong hình phạt ngày 02/7/2022.

- Nhân thân:

+ Ngày 05/3/1996 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 02/HSST).

+ Ngày 10/8/1998 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 13/HSST).

+ Ngày 28/9/2000 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp xử lý hành chính “đưa vào trường giáo dưỡng” với thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 3253/QĐ-UB.

+ Ngày 04/3/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 09/HSST).

+ Ngày 19/3/2014 bị Công an huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” số tiền 2.000.000 đồng (Quyết định 102/QĐ-XPVPHC).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/11/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Huệ:* Ông Hồ Tấn P – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- *Bị hại:* Lê Văn P, sinh năm: 1973 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp V, xã Q, huyện B, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Võ Thanh H, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh T.

2. Trương Minh G, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp L, xã H, huyện B, tỉnh T.

3. Lê Thanh Đ, sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1978, nơi thường trú ấp V, xã Q, huyện B, tỉnh T, là người đã có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” vào các năm 2005, 2015, 2019 và 01 tiền án về tội “Giao cấu với trẻ em” vào năm 2010, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và chưa được xóa án tích. Ngày 02/7/2022, H chấp hành xong án phạt tù, về địa phương sinh sống, sau đó lại tiếp tục phạm tội. Cụ thể:

Khoảng 03 giờ sáng ngày 26/9/2023, H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đi từ nhà thuộc ấp V, xã Q ra đường tìm kiếm tài sản để trộm. Trên đường đi, thấy cửa sau nhà anh Lê Văn P ngụy cùng ấp còn mở nên H đi vào nhà từ cửa sau. Quan sát thấy cửa phòng ngủ của vợ chồng anh P không khóa, Huệ đẩy nhẹ cửa vào, H thấy 01 điện thoại cảm ứng hiệu VIVO 1718 màu xám nhạt và 01 điện thoại

NOKIA loại bàn phím màu đen, để trên đầu tủ bên trong phòng ngủ nên H lấy 02 chiếc điện thoại bỏ vào túi quần bên trái. H quan sát tiếp thì thấy 01 điện thoại hiệu VIVO 1606 màn hình cảm ứng, màu vàng nhạt, đang sạc pin, để bên ngoài phòng ngủ, H lấy điện thoại bỏ vào túi quần bên phải, sau đó tẩu thoát bằng cửa sau. Khoảng 09 giờ cùng ngày, H cho Lê Thanh Đ, sinh năm 1990 trú tại ấp A, xã L mượn sử dụng chiếc điện thoại NOKIA loại bàn phím màu đen. Đến khoảng 10 giờ, H nhờ anh Võ Thanh H, sinh năm 1983, cư trú ấp P, xã T bán dùm chiếc VIVO 1606 màu vàng nhạt, anh H đem đến cửa hàng di động của anh Trương Minh G, sinh năm 1982, thuộc xã L, bán với giá 200.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ, H bán chiếc điện thoại VIVO 1718 màu xám nhạt cho anh Võ Thanh H giá 200.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, loại bàn phím, màu đen.
- 01 điện thoại di động hiệu VIVO 1718, màn hình cảm ứng, màu xám nhạt.
- 01 điện thoại di động hiệu VIVO 1606, màn hình cảm ứng, màu vàng nhạt.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTS ngày 19/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Đại kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, model.TA-1375, màu đen, mua vào tháng 01 năm 2023 (Đã thu hồi được) tại thời điểm bị mất trộm có giá trị là 400.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1606, màn hình cảm ứng, màu vàng nhạt, mua vào năm 2021 (Đã thu hồi được) tại thời điểm bị mất trộm có giá trị là 500.000 đồng;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1718, màn hình cảm ứng, màu xám nhạt, mua vào năm 2020 (Đã thu hồi được) tại thời điểm bị mất trộm có giá trị là 2.100.000 đồng.

Tổng cộng trị giá tài sản là 3.000.000 đồng.

Ngày 25/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại đã trao trả lại cho bị hại anh Lê Văn P 01 điện thoại di động hiệu NOKIA loại bàn phím, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1606 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1718. Anh P đã nhận đủ tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì thêm. Anh Võ Thanh H, anh Trương Minh G cũng không có yêu cầu H bồi thường số tiền mà anh H, G đã bỏ ra để mua điện thoại mà Huệ bán.

Quá trình điều tra, bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp lời khai bị hại, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSBD ngày 01/3/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố và

tài liệu, chứng cứ đã thu thập. Bị cáo đồng ý với kết luận định giá, các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

- *Người bào chữa cho bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý Hồ Tấn P phát biểu:*

Đồng ý nội dung bản Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo lấy trộm tài sản có giá trị không lớn, đã khắc phục, cơ quan đã trả lại tài sản cho bị hại. Bị cáo luôn thành khẩn khai báo trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay. Bị cáo có nhiều tiền án nên không xin việc làm được, có cậu ruột là liệt sỹ, văn hóa bị cáo thấp nên nhận thức có phần hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử bị cáo H mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

- Bị hại Lê Văn P vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra đã trình bày là đã nhận lại các tài sản mà bị cáo lấy trộm, không có yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Thanh H, anh Trương Minh G vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra đã trình bày không có yêu cầu Huệ bồi thường số tiền mà anh H, G đã bỏ ra để mua điện thoại mà Huệ bán.

Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn H và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo như sau:

- Về tội danh và hình phạt chính:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội **“Trộm cắp tài sản”**. Thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2023.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Văn H không có nghề nghiệp, thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đã xử lý và giải quyết xong.

Đối với anh Võ Thanh H có mua điện thoại của bị cáo H bán, anh Võ Thanh H có bán dùm bị cáo Huệ 01 điện thoại cho anh Trương Minh G, Lê Thanh Đ có mượn điện thoại để sử dụng nhưng tất cả đều không biết đó là tài sản bị cáo H trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý đối với anh H, G, Đ là đúng quy định của pháp luật.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Bình Đại, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Bị hại Lê Văn P đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị hại anh P, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Thanh H, Trương Minh G, Lê Thanh Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Văn H khoảng 03 giờ ngày 26/9/2023, tại nhà anh Lê Văn P, thuộc ấp V, xã Q, xuất phát từ động cơ tư lợi, bị cáo Nguyễn Văn H là người đã tái phạm nguy hiểm, thực hiện hành vi trộm cắp 03 chiếc điện thoại gồm: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA loại bàn phím, màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1718, màn hình cảm ứng, màu vàng nhạt; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1606, màn hình cảm ứng, màu xám nhạt của anh P. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 3.000.000 đồng.

[4] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết rõ hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, chạy lười lao động, bị cáo đã rất nhiều lần phạm tội trộm cắp tài sản chấp hành xong án phạt tù trở về sinh sống tại địa phương không biết ăn năn, hối cải lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản, cho thấy bị cáo là người khó cải tạo giáo dục, khó sửa đổi bản tính. Mặc dù, tài sản mà bị cáo lấy trộm có giá trị là 3.000.000 đồng nhưng do bị cáo H có 03 tiền án về tội “trộm cắp tài sản”, 01 tiền án về tội “Giao cấu với trẻ em”, chưa được xóa án tích, tiền án gần nhất là năm 2019 nên thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”. Do đó, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 14/CT-VKSND ngày 01/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội: “***Trộm cắp tài sản***” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản bị cáo đã có hành vi phạm tội lấy trộm tài sản đem bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm mà còn gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày. Hành vi đó phải được xử lý nghiêm minh để răn đe và phòng ngừa chung xã hội.

[6] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo có nhân thân rất xấu, có 04 tiền án.
- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được hưởng là “ *Người phạm tội thành khẩn khai báo*” và “*Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn*” quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo H còn có 01 tình tiết giảm nhẹ được hưởng là có cậu ruột Đặng Văn S là liệt sỹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả và hành vi bị cáo gây ra xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[8] Lời phát biểu luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên Tòa sơ thẩm về tội danh đối với bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Lời phát biểu của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo H đề nghị xem xét xử bị cáo H mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong. Bị hại anh P đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xét đến. Anh Võ Thanh H, Trương Minh G không có yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền mà anh H, anh G đã bỏ ra để mua điện thoại mà bị cáo H bán, nên không xét đến.

[11] Đối với hành vi anh Võ Thanh H có mua điện thoại của bị cáo Huệ bán, anh Võ Thanh H có bán dùm bị cáo H 01 điện thoại cho anh Trương Minh G, anh Lê Thanh Đ có mượn điện thoại để sử dụng nhưng không biết đó là tài sản bị cáo Huệ trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý đối với các anh H, G, Đ là đúng quy định của pháp luật.

[12] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo H không có nghề nghiệp, thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng.

[13] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H 04 (Bốn) năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2023.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn H được miễn nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Nhà tạm giữ công an huyện Bình Đại (1b)
- VKSND huyện Bình Đại (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại (1b);
- Cơ quan điều tra công an huyện Bình Đại (1b);
- Bị cáo, bị hại (2b);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (3b);
- Người bào chữa của bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (1b);
- Tòa hình sự (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương